

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình “Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2023-2030” trên địa bàn huyện Kon Rẫy

Thực hiện Kế hoạch số 2007/KH-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Kon Tum về việc triển khai thực hiện Chương trình “Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022-2030” trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình “Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2023-2030” trên địa bàn huyện Kon Rẫy, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình “Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022-2030” của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện.

2. Yêu cầu

Các Phòng, ban, ngành, các xã xác định các mục tiêu cần đạt được trên phạm vi quản lý và triển khai đồng bộ, quyết liệt nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, góp phần phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2023-2030.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non (GDMN) vùng khó khăn trên địa bàn huyện. Tăng cơ hội của trẻ em được tiếp cận GDMN có chất lượng, trên cơ sở phân đầu bảo đảm các điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất trường, lớp học. Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, góp phần rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các vùng miền; góp phần xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội; bảo tồn và phát huy bền vững các giá trị văn hóa cho vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đối với trẻ em

- Đến năm 2025: Có trên 20% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và 95% trẻ em độ tuổi mẫu giáo vùng khó khăn được đến trường mầm non, trong đó có 30% trẻ em dân tộc thiểu số (DTTS) trong các trường mầm non được tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ phù hợp độ tuổi; có ít nhất 50% các xã tập trung đông trẻ em người DTTS có mô hình tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ

của trẻ.

- Đến năm 2030: Có trên 25% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và 96% trẻ em độ tuổi mẫu giáo vùng khó khăn được đến trường mầm non, trong đó có 60% trẻ em dân tộc thiểu số (DTTS) trong các trường mầm non được tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ phù hợp độ tuổi; có ít nhất 80% các xã, thị trấn tập trung đông trẻ em người DTTS có mô hình tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

- Hằng năm, 100% trẻ em trong các trường mầm non vùng khó khăn được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo chương trình GDMN phù hợp với điều kiện vùng miền, dân tộc và đặc điểm riêng của trẻ.

b) Đối với giáo viên

- Đến năm 2025: Bồi dưỡng 30% giáo viên dạy tăng cường tiếng Việt có khả năng sử dụng tiếng mẹ đẻ của trẻ.

- Đến năm 2030: Bồi dưỡng 60% giáo viên dạy tăng cường tiếng Việt có khả năng sử dụng tiếng mẹ đẻ của trẻ; phấn đấu bảo đảm định mức giáo viên/nhóm, lớp theo quy định.

c) Đối với các trường mầm non: Đến năm 2030: Phấn đấu xóa bỏ 100% phòng học nhờ, phòng học tạm; xây mới trường học theo dự báo quy hoạch mạng lưới trường, lớp mầm non của địa phương; bổ sung đủ bộ đồ chơi ngoài trời, bộ đồ chơi trong lớp cho trường và phòng học mới do tăng quy mô.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Thực hiện cơ chế, chính sách phát triển GDMN vùng khó khăn

a) Rà soát, nghiên cứu bổ sung, đề xuất xây dựng chính sách hỗ trợ đối với trẻ em và các trường mầm non vùng khó khăn, nhất là đối tượng trẻ em nhà trẻ, như chính sách hỗ trợ ăn trưa, miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập tại địa phương.

b) Phấn đấu bảo đảm định mức giáo viên/trẻ theo quy định đối với vùng khó khăn; ưu tiên đối với giáo viên dạy các nhóm, lớp tại điểm lẻ ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Rà soát, nghiên cứu, đề xuất xây dựng, bổ sung cơ chế chính sách đối với đội ngũ giáo viên vùng khó khăn, nhất là đội ngũ trực tiếp dạy trẻ em người dân tộc thiểu số; tham mưu hoàn thiện các chính sách đào tạo theo địa chỉ, cử tuyển và tuyển dụng, sử dụng đối với đội ngũ giáo viên là người địa phương dạy trẻ em người dân tộc thiểu số; thực hiện đầy đủ, kịp thời cơ chế thu hút, động viên giáo viên công tác lâu dài ở vùng khó khăn.

d) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách đầu tư cơ sở vật chất, trường lớp: ưu tiên đầu tư kinh phí để xóa phòng học nhờ, phòng học tạm; xây dựng nhà công vụ cho giáo viên; mua sắm đồ dùng học tập đáp ứng nhu cầu phát triển GDMN vùng khó khăn.

2. Bổ sung giáo viên mầm non; nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán

bộ quản lý các trường mầm non vùng khó khăn, bồi dưỡng đội ngũ cộng tác viên hỗ trợ ngôn ngữ

a) Bổ sung giáo viên cho các trường mầm non công lập đảm bảo định mức giáo viên/trẻ theo quy định.

b) Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên về: Công tác quản lý, triển khai chương trình GDMN phù hợp với đặc điểm trẻ em vùng khó khăn và phương pháp, kỹ năng thực hiện giáo dục song ngữ, tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ em người dân tộc thiểu số, đặc biệt quan tâm đến trẻ em nhà trẻ, trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi mới ra lớp; tham quan chia sẻ học tập mô hình điểm.

c) Bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho giáo viên dạy lớp có trẻ em người dân tộc thiểu số.

d) Tổ chức tập huấn bồi dưỡng cho đội ngũ cộng tác viên hỗ trợ ngôn ngữ, thực hiện giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ em.

3. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất

a) Có kế hoạch, lộ trình, giải pháp xây dựng nhà công vụ cho giáo viên, xóa phòng học nhờ, phòng học tạm, bổ sung phòng học còn thiếu, mua sắm thêm đồ dùng học tập tại vùng khó khăn đáp ứng nhu cầu tới trường, lớp của trẻ em, quan tâm đến đối tượng trẻ em nhà trẻ, mẫu giáo 3-4 tuổi; bổ sung tài liệu, học liệu phục vụ việc tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ và nâng chất lượng GDMN vùng khó khăn.

b) Chú trọng bổ sung đồ dùng, đồ chơi trong và ngoài lớp, xây dựng mô hình môi trường giáo dục đậm đà văn hóa, bản sắc dân tộc, phát huy ưu thế của vùng miền, có cảnh quan môi trường phù hợp nhất với trẻ và văn hóa riêng của đơn vị; tạo dựng và nhân rộng mô hình điểm làm nơi tập huấn, chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ cho GDMN vùng khó khăn.

(Chi tiết tại phụ lục 1, 2, 3,4 kèm theo)

4. Triển khai chương trình GDMN phù hợp với vùng khó khăn, phù hợp với đặc điểm tiếp nhận và văn hóa, ngôn ngữ mẹ đẻ của trẻ em

a) Triển khai chương trình GDMN phù hợp với điều kiện vùng miền, phù hợp với đặc điểm của trẻ em người dân tộc thiểu số. rà soát, hoàn thiện chương trình, đổi mới nội dung, phương pháp GDMN phù hợp với vùng khó khăn, đặc điểm tiếp nhận và văn hóa, ngôn ngữ mẹ đẻ của trẻ.

b) Chú trọng khai thác yếu tố văn hóa địa phương trong tổ chức, thực hiện chương trình GDMN đối với trẻ em vùng khó khăn, trẻ em người dân tộc thiểu số.

c) Tổ chức tập huấn và chia sẻ tài liệu, học liệu thân thiện, phù hợp với trẻ em tại các trường mầm non vùng khó khăn; đẩy mạnh tập huấn việc thực hiện chương trình và phương pháp giáo dục phù hợp đối với đội ngũ giáo viên trực tiếp dạy trẻ em người dân tộc thiểu số.

d) Tăng cường chuẩn bị tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ em; xây

dựng và bảo đảm duy trì môi trường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ trong các trường mầm non có trẻ em người dân tộc thiểu số; quan tâm đến đối tượng trẻ nhà trẻ, trẻ mẫu giáo mới ra lớp chưa nói được tiếng Việt.

5. Huy động các nguồn lực phát triển GDMN vùng khó khăn

a) Huy động nguồn lực xã hội và cộng đồng

- Hình thành cơ chế, khuyến khích tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng trường, lớp mầm non theo quy định. Vận động sự tham gia của toàn dân và các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp; phát huy sáng kiến của cộng đồng phát triển GDMN vùng khó khăn; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 1588/KH-UBND ngày 18/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025.

- Huy động cán bộ, động viên, khuyến khích cán bộ hưu trí, các hội viên, đoàn viên của các tổ chức đoàn thể, nhất là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam huyện, Hội Khuyến học tham gia hỗ trợ tăng cường tiếng Việt cho cha, mẹ và các hoạt động thiết thực khác cho trẻ em người dân tộc thiểu số.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đóng góp kinh phí, sách vở, tài liệu, học liệu, đồ dùng đồ chơi hỗ trợ phát triển GDMN vùng khó khăn.

b) Tăng cường công tác phối hợp liên ngành

- Tăng cường công tác phối hợp, huy động sức mạnh, phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị; các ban, ngành có liên quan, đặc biệt là vai trò của phòng Dân tộc, các tổ chức Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Ban công tác Mặt trận thôn, xã, làng, người có uy tín trong cộng đồng hỗ trợ phát triển GDMN vùng khó khăn; nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em ở gia đình và cộng đồng.

- Lồng ghép triển khai các nhiệm vụ giải pháp của Chương trình này với Đề án Vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2019-2025.

c) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế: Huy động nguồn lực từ các tổ chức quốc tế hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật; hợp tác và tiếp thu có chọn lọc các phương pháp tiên bộ trong việc nâng cao chất lượng GDMN, tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ cho trẻ em người dân tộc thiểu số, phát triển GDMN vùng khó khăn.

6. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về Kế hoạch

a) Đẩy mạnh công tác truyền thông, phổ biến về sự cần thiết, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Kế hoạch nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các bậc cha mẹ, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và cộng đồng đối với việc đầu tư, chăm lo phát triển GDMN vùng khó khăn.

b) Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao nhận thức đối với các cấp chính quyền, cộng đồng, cha mẹ trẻ, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong việc đầu tư, chăm lo phát triển GDMN vùng khó khăn.

c) Tuyên truyền, hỗ trợ các bậc cha, mẹ, người chăm sóc trẻ trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ. Tập huấn về thực hiện GDMN phù hợp với đặc điểm vùng miền, về chuẩn bị tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ cho cha, mẹ trẻ em là người dân tộc thiểu số, cộng đồng vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

d) Phối hợp chặt chẽ với các già làng, người có uy tín trong cộng đồng để vận động các gia đình người dân tộc thiểu số tạo điều kiện cho con, em đến trường, lớp mầm non học 2 buổi/ngày.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí

a) Nguồn chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo; lồng ghép từ nguồn vốn của các chương trình, dự án (*Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025*) được cấp có thẩm quyền giao trong kế hoạch hàng năm của các ban, ngành, địa phương theo phân cấp quản lý hiện hành.

b) Nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được giao và giai đoạn 2026-2030 phù hợp khả năng cân đối của ngân sách nhà nước theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công.

c) Nguồn kinh phí triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 09/7/2021 về thông qua Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình GDMN và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 25/HĐND ngày 09/7/2021 về thông qua Đề án phát triển đội ngũ giáo viên mầm non và phổ thông ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030; Nghị quyết số 26/HĐND ngày 09/7/2021 về thông qua Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh DTTS tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 10/7/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy về Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025; Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 5/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về Kế hoạch thực hiện Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn huyện Kon Rẫy giai đoạn 2021-2025.

d) Nguồn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

(Chi tiết tại phụ lục 5,6 kèm theo)

2. Việc lập và triển khai thực hiện kế hoạch tài chính cho các nhiệm vụ của Chương trình thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành về kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch tài

chính trung hạn của Nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các Phòng, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch; tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện Chương trình định kỳ hằng năm báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em người dân tộc thiểu số về công tác quản lý, phát triển, đổi mới nội dung, phương pháp thực hiện chương trình GDMN phù hợp với đặc điểm trẻ em vùng khó khăn; phương pháp, kỹ năng thực hiện giáo dục song ngữ, tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ phù hợp với đối tượng trẻ em người dân tộc thiểu số. Tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng về tiếng dân tộc thiểu số tại các trường mầm non trường mầm non nơi giáo viên công tác.

- Tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế chính sách cần thiết của địa phương, đẩy mạnh xã hội hóa huy động nguồn vốn hợp pháp khác để từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất trường, lớp, trang thiết bị đồ dùng đồ chơi, học liệu trong các trường mầm non, đặc biệt tại các nhóm, lớp, các điểm lẻ để nâng cao chất lượng giáo dục địa phương.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp và Kế hoạch thực hiện các Đề án đối với GDMN.

2. Phòng Dân tộc

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, đề xuất cụ thể hóa các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 vào việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp để đạt được các mục tiêu của Kế hoạch.

- Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo, các Phòng, ban, ngành địa phương tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức về phát triển GDMN vùng khó khăn, tăng cường tiếng Việt đối với trẻ em người dân tộc thiểu số trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ; phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra việc triển khai, thực hiện Kế hoạch.

3. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, đề xuất cụ thể hóa các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 vào việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp để đạt được các mục tiêu của Kế hoạch; chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các chính sách có liên quan đối với giáo viên và trẻ em mầm non vùng khó khăn theo chức năng quản lý được giao.

- Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo, các Phòng, ban, ngành, các xã, thị trấn tăng cường công tác tuyên truyền, vận động xã hội và nâng cao năng lực để

thực hiện Chương trình; bảo đảm việc thực hiện quyền trẻ em tại vùng khó khăn theo chức năng quản lý được giao.

4. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, đề xuất cụ thể hóa các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 vào việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp để đạt được các mục tiêu của Kế hoạch.

5. Phòng tài chính - Kế hoạch

- Chủ trì, phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo và các Phòng, ban, ngành liên quan trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các hoạt động của Kế hoạch theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện bố trí vốn đầu tư công hàng năm của các dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và hằng năm theo quy định; tổ chức thẩm định, đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành để đảm bảo thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền mục tiêu, nhiệm vụ và phương án phân bổ, giao kế hoạch vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm và hằng năm bao gồm các nội dung để thực hiện Chương trình theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước.

6. Phòng Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân huyện kiến nghị các cấp có thẩm quyền giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập; tham mưu ưu tiên đảm bảo số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước làm việc tại các trường mầm non công lập theo quy định.

- Phối hợp với các Phòng, ban, ngành liên quan tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác tuyển dụng, sử dụng, thực hiện các chế độ, chính sách có liên quan đối với đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý GDMN ở vùng khó khăn.

7. Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch và truyền thông: Chủ trì, phối hợp với các ban, ngành liên quan thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến về mục đích, ý nghĩa và sự cần thiết của Chương trình nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các bậc cha, mẹ, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và cộng đồng đối với việc đầu tư, chăm lo phát triển GDMN vùng khó khăn.

8. Ủy ban nhân dân các xã

- Chỉ đạo xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện tại địa phương.

- Tăng cường các biện pháp huy động trẻ mầm non (*nhà trẻ, mẫu giáo*) ra lớp đảm bảo điều kiện thực hiện các chỉ tiêu theo Kế hoạch.

- Quan tâm, ưu tiên kinh phí đầu tư cơ sở vật chất (*phòng học, công trình vệ sinh, công trình nước sạch...*), thiết bị dạy học phù hợp với tình hình thực tế của các trường mầm non vùng khó khăn; tích cực tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện, các ban, ngành về giải pháp xây dựng nhà công vụ cho giáo viên, xóa phòng học nhờ, phòng học tạm, bổ sung phòng học còn thiếu; lồng ghép từ nguồn vốn của các chương trình, dự án¹ được cấp có thẩm quyền giao trong kế hoạch hằng năm theo phân cấp quản lý hiện hành; nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2026-2030 phù hợp khả năng cân đối của ngân sách nhà nước theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công và nguồn kinh phí triển khai thực hiện liên quan đến giáo dục tại địa phương.

- Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, huy động nguồn vốn hợp pháp khác để từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất trường, lớp, trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi, học liệu trong các trường mầm non, đặc biệt tại các nhóm, lớp, các điểm lẻ để nâng cao giáo dục địa phương.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn; báo cáo định kỳ hằng năm về Phòng Giáo dục và Đào tạo (*cơ quan chủ trì*) **trước ngày 01/12** hàng năm để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện và Sở Giáo dục và Đào tạo theo yêu cầu.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện: Tiếp tục chỉ đạo các tổ chức thành viên trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao tích cực tham gia thực hiện Kế hoạch; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, chăm lo, hỗ trợ phát triển GDMN vùng khó khăn.

Căn cứ nội dung Kế hoạch và chức năng, nhiệm vụ, các Phòng, ban, ngành, các xã, thị trấn chủ động triển khai thực hiện Kế hoạch đạt hiệu quả; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Phòng Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện (đ/b);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện (p/h);
- Các Phòng, ban, ngành liên quan (t/h);
- UBND các xã, thị trấn (t/h);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Thị Hồng Thu

¹ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025.